TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 27-8-2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng

Ông Võ Hồng Đằng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Huy– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 304/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Mỹ H, sinh năm 1975

Hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ tạm trú: E8, Chung cư Thăng Long, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1974

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đàn Hạ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ tạm trú: Nhà trọ ông Nguyễn Thanh Sang, khu phố Phước Hiệp, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2019 và các lời khai tại tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Mỹ H trình bày: Chị và anh Phan Văn T xây dựng gia đình với nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 10 tháng 8 năm 2009. Việc kết hôn do chị và anh T đều tự nguyện. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn T. Nguyên nhân chị H yêu cầu ly hôn là do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không tôn trọng nhau.

Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung là cháu Phan Thị Mỹ H1, sinh ngày 07/01/2010. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn T vắng mặt, không đến Tòa cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Phan Thị Mỹ H1 cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phan Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phan Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Mỹ H và anh Phan Văn T xây dựng gia đình với nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/8/2009, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị H xin ly hôn với anh T với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, tin tưởng và tôn trọng nhau.

Xét thấy, qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn H thì địa phương không xác định được nguyên nhân tranh chấp ly hôn giữa chị H và anh T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T biết để đến Tòa tham gia

tố tụng, cung cấp chứng cứ và hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ nhưng anh T vẫn không đến Tòa mà không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải cho vợ chồng anh T- chị H đoàn tụ. Qua ý kiến và chứng cứ của chị H cung cấp thể hiện chị H và anh T không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 01 người con chung là cháu Phan Thị Mỹ H1, sinh ngày 07/01/2010. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hân và anh T không có ý kiến gì về việc nuôi con. Cháu H1 cũng có nguyện vọng là được sống chung với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị H nuôi con nhưng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của chị Bùi Thị Mỹ H đối với anh Phan Văn T.

Xử cho chị Bùi Thị Mỹ H được ly hôn với anh Phan Văn T.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Phan Thị Mỹ H1, sinh ngày 07/01/2010 cho chị Bùi Thị Mỹ H nuôi dưỡng. Tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Văn T được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Chị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000562 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm